

THÔNG TƯ

**Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (sau đây gọi tắt là Nghị định số 116/2017/NĐ-CP).

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các ô tô được nhập khẩu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các doanh nghiệp nhập khẩu ô tô vào Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, kiểm tra, thử nghiệm ô tô.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài* là cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật được nước ngoài chấp thuận, thừa nhận, công nhận có chức năng phát hành: giấy Chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô; tài liệu về kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài đối với nhà máy sản xuất ra kiểu loại ô tô nhập khẩu; giấy Chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

2. *Ô tô cùng kiểu loại* là các xe ô tô có cùng đặc điểm được xác định theo nguyên tắc nêu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. *Báo cáo thử nghiệm khí thải* là tài liệu do cơ sở thử nghiệm chuyên ngành của Việt Nam cấp cho ô tô mẫu hoặc động cơ ô tô mẫu theo quy định.

4. *Báo cáo thử nghiệm an toàn* là tài liệu do cơ sở thử nghiệm chuyên ngành của Việt Nam cấp cho ô tô mẫu theo quy định.

5. *Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng* là tài liệu của nhà sản xuất ô tô nước ngoài cấp cho từng chiếc ô tô trong đó có các thông tin sau: số khung (số VIN); số động cơ; thông số kỹ thuật cơ bản tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; kiểu loại xe xuất xưởng theo giấy Chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô.

6. *Thủ tục đăng kiểm điện tử* là việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai đăng kiểm, trao đổi các thông tin về thủ tục đăng kiểm giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm.

7. *Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm* là hệ thống thông tin do Cơ quan kiểm tra quản lý để thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.

8. *Hệ thống khai đăng kiểm điện tử* là hệ thống thông tin phục vụ cho doanh nghiệp nhập khẩu khai báo và tiếp nhận thông tin, kết quả phản hồi của cơ quan kiểm tra trong quá trình thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.

9. *Bản đăng ký kiểm tra điện tử* là một dạng chứng từ điện tử bao gồm tập hợp các chỉ tiêu thông tin khai của doanh nghiệp nhập khẩu.

10. *Sự cố giao dịch điện tử* là trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm, hệ thống khai đăng kiểm điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau do nguyên nhân khách quan.

11. *Chứng chỉ chất lượng* là các giấy tờ được quy định từ Phụ lục V đến Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

12. *Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô nhập khẩu* là giấy Chứng nhận về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với kiểu loại ô tô hoặc gồm giấy Chứng nhận về chất lượng an toàn kỹ thuật đối với kiểu loại ô tô và giấy Chứng nhận về bảo vệ môi trường đối với kiểu loại ô tô hoặc kiểu loại động cơ.

13. *Tài liệu về kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng* là kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài đối với nhà máy sản xuất ra kiểu loại ô tô nhập khẩu theo hệ thống ISO 9001, hệ thống TS 16949, hệ thống chứng nhận của UNECE, EC, EEC về COP hoặc các tài liệu tương đương được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài.

14. *Cơ quan kiểm tra* là Cục Đăng kiểm Việt Nam, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe ô tô nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Hồ sơ đăng ký kiểm tra (bản giấy hoặc bản điện tử)

1. Hồ sơ đăng ký kiểm tra đối với ô tô nhập khẩu đã qua sử dụng gồm:

a) Bản đăng ký kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy Chứng nhận đăng ký lưu hành còn hiệu lực đến trước khi xuất khẩu được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

c) Bản sao hóa đơn thương mại;

d) Bản sao Bản giải mã số VIN của nhà sản xuất xe (cho kiểu loại chứng nhận lần đầu);

đ) Bản chính Bản thông tin xe cơ giới nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Bản sao tài liệu giới thiệu tính năng và thông số kỹ thuật xe của nhà sản xuất;

g) Bản sao tờ khai hàng hóa nhập khẩu đối với hồ sơ giấy; số, ngày, tháng, năm của Tờ khai đối với hồ sơ điện tử.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra đối với ô tô nhập khẩu chưa qua sử dụng:

a) Bản đăng ký kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy Chứng nhận chất lượng kiểu loại ô tô nhập khẩu được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài;

c) Bản sao giấy Chứng nhận kiểu loại linh kiện của lớp, gương chiếu hậu, đèn chiếu sáng phía trước, kính được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

d) Bản chính Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài cấp cho từng ô tô;

đ) Bản sao tài liệu về kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài đối với nhà máy sản xuất ra kiểu loại ô tô nhập khẩu còn hiệu lực được cấp bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài;

e) Bản sao hóa đơn thương mại;

g) Bản sao Bản giải mã số VIN của nhà sản xuất xe (cho kiểu loại chứng nhận lần đầu);

h) Bản chính Bản thông tin xe cơ giới nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

i) Bản sao tài liệu giới thiệu tính năng và thông số kỹ thuật xe của nhà sản xuất;

k) Bản sao tờ khai hàng hóa nhập khẩu đối với hồ sơ giấy; số, ngày, tháng, năm của Tờ khai đối với hồ sơ điện tử;

l) Bản sao Báo cáo thử nghiệm khí thải;

m) Bản sao Báo cáo thử nghiệm an toàn.

Điều 5. Nội dung kiểm tra, thử nghiệm ô tô nhập khẩu

1. Đối với ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu phải được kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng xe theo quy định, cụ thể như sau:

a) Về hồ sơ: kiểm tra tính thống nhất của nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra.

b) Về thực tế: thực hiện kiểm tra đối với xe được đăng ký lưu hành tại các quốc gia thuộc EU, G7, quốc gia có tiêu chuẩn khí thải tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn khí thải hiện hành của Việt Nam. Nội dung kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng xe theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với ô tô chưa qua sử dụng nhập khẩu phải được cơ quan quản lý chất lượng kiểm tra theo quy định đối với từng lô xe nhập khẩu. Mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu phải được kiểm tra, thử nghiệm về khí thải và chất lượng an toàn kỹ thuật theo quy định, cụ thể như sau:

a) Về hồ sơ: kiểm tra tính đồng nhất về nội dung của các Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng; kiểm tra tính thống nhất Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng với giấy Chứng nhận chất lượng kiểu loại trong cùng một kiểu loại ô tô, trong lô xe nhập khẩu doanh nghiệp khai báo.

b) Về thực tế: kiểm tra tình trạng số khung, số động cơ của từng xe trong lô xe nhập khẩu theo hồ sơ đăng ký kiểm tra; kiểm tra tính đồng nhất của các xe thực tế cùng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu; lấy ngẫu nhiên mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu để đối chiếu các thông số kỹ thuật của xe thực tế với nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra.

c) Cơ quan kiểm tra lấy ngẫu nhiên 01 xe mẫu hoặc 02 xe mẫu (trong trường hợp doanh nghiệp có yêu cầu dùng 01 mẫu để thử nghiệm an toàn và dùng 01 mẫu để thử nghiệm khí thải) đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu đã được kiểm tra để doanh nghiệp nhập khẩu tự đưa xe đến các cơ sở thử nghiệm. Việc lấy mẫu phải được lập thành biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này để doanh nghiệp nhập khẩu xuất trình khi làm việc với cơ sở thử nghiệm.

d) Thử nghiệm khí thải: thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 86: 2015/BGTVT “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới*” (trừ phép thử bay hơi).

đ) Thử nghiệm chất lượng an toàn kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 09:2015/BGTVT “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô*”; QCVN 10:2015/BGTVT “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô khách thành phố*”; QCVN 82:2014/BGTVT “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng*” và các quy định của pháp luật hiện hành (trừ thử nghiệm các linh kiện: gương chiếu hậu, kính, đèn chiếu sáng phía trước, lốp, vành hợp kim, vật liệu chống cháy, kết cấu an toàn chống cháy).

Điều 6. Trình tự, cách thức thực hiện

1. Nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra

a) Doanh nghiệp nhập khẩu lập 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này và nộp cho cơ quan kiểm tra bằng hình thức trực tiếp hoặc thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử. Tại thời điểm đăng ký kiểm tra, doanh nghiệp nhập khẩu phải cung cấp tối thiểu các tài liệu: từ điểm a đến điểm e khoản 1 Điều 4 đối với xe đã qua sử dụng; các tài liệu từ điểm a đến điểm i khoản 2 Điều 4 đối với xe chưa qua sử dụng. Bản sao tờ khai hàng hóa nhập khẩu phải nộp khi đề nghị kiểm tra thực tế, các giấy tờ còn lại của hồ sơ phải được bổ sung trước khi cơ quan kiểm tra cấp chứng chỉ chất lượng.